

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12 / 2007/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 15 tháng 5 năm 2007

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy định về phân cấp quản lý, bảo trì  
đường bộ thực hiện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật giao thông đường bộ ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 168/2003/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ Quy định về nguồn tài chính và quản lý, sử dụng nguồn tài chính cho quản lý, bảo trì đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 186/2004/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 38/2004/QĐ-BGTVT ngày 24 tháng 12 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quy định trách nhiệm và hình thức xử lý đối với tổ chức, cá nhân khi vi phạm trong quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 70/QĐ-UB ngày 04 tháng 9 năm 2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể mạng lưới giao thông tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010 và định hướng phát triển đến năm 2020;

Sau khi xem xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông Vận tải tại Tờ trình số 78/TTr-SGTVT ngày 30 tháng 3 năm 2007 về việc ban hành Quy định về phân cấp và quản lý, bảo trì đường bộ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang,

**QUYẾT ĐỊNH :**

**Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phân cấp quản lý, bảo trì đường bộ thực hiện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

**Điều 2 :** Giao Giám đốc Sở Giao thông Vận tải chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

**Điều 3 :** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 10/2003/QĐ-UB ngày 20 tháng 01 năm 2003 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về phân cấp Quản lý đường bộ.

Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận: *led.*

- Văn phòng Chính phủ
- Bộ Giao thông Vận tải
- Bộ Tư pháp
- TT. Tỉnh uỷ
- TT. HĐND tỉnh
- Chủ tịch UBND tỉnh
- Các PCT UBND tỉnh
- Như điều 3
- Các Phó VP UBND tỉnh
- Lưu VT-GT-TC-TH-XD, TP, TL (C. 220)

Báo  
cáo



*Quang*  
**Lê Thị Quang**

**QUY ĐỊNH**

**Về phân cấp Quản lý, bảo trì đường bộ  
thực hiện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 12/2007/QĐ-UBND  
ngày 15 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**CHƯƠNG I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1 :** Công tác quản lý đường bộ thuộc hệ thống quản lý Nhà nước, nhằm đảm bảo duy trì lâu dài khả năng sử dụng và khai thác có hiệu quả hệ thống giao thông đường bộ, phục vụ nhu cầu giao thông và phát triển Kinh tế - Xã hội, Quốc phòng - An ninh trên địa bàn tỉnh.

**Điều 2 :** Đối tượng áp dụng phân cấp quản lý, bảo trì theo quy định này là các công trình đường bộ quy định tại Điều 12, Nghị định số 186/2004/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ, bao gồm:

Nền, mặt đường, hệ phố, nơi dừng xe, đỗ xe, hệ thống thoát nước, đèn tín hiệu, cọc tiêu, hàng rào chắn, biển báo hiệu, vạch kẻ đường, cột cây số, đảo giao thông, dải phân cách, hệ thống chiếu sáng, đường ngầm, tràn, đường cứu nạn; cầu, hầm, cống, kè, tường chắn; bến phà, bến cầu phao, phương tiện vượt sông và nơi cất giấu các phương tiện vượt sông; các công trình chống va, tường, kè chỉnh trị dòng nước; trạm điều khiển giao thông, trạm kiểm tra tải trọng xe, trạm thu phí cầu đường, các thiết bị đếm xe; các mốc đo đạc, cột mốc lộ giới; các công trình phụ trợ an toàn giao thông khác theo quy định.

**CHƯƠNG II  
CÁC TUYẾN ĐƯỜNG BỘ HIỆN CÓ VÀ PHÂN CẤP  
QUẢN LÝ HỆ THỐNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

**Điều 3:** Các tuyến đường bộ hiện có trên địa bàn tỉnh:

**1. Các tuyến Quốc lộ** (ký hiệu QL.) có tổng chiều dài 340,6 km :

**1.1.** Quốc lộ 2: Từ xã Đội Bình huyện Yên Sơn đến xã Yên Lâm huyện Hàm Yên, chiều dài 90km.

**1.2.** Quốc lộ 37: Từ đình Đèo Khế xã Hợp Thành - Sơn Dương đến phà Hiên và cầu Bông xã Mỹ Lâm huyện Yên Sơn, chiều dài 63,4km (không kể 4.0 km đi chung QL.2).

**1.3.** Quốc lộ 2C: Từ xã Sơn Nam huyện Sơn Dương đến xã Lãng Quán huyện Yên Sơn, chiều dài 91,2km (không kể 6,3 km đi chung QL.37)

**1.4.** Quốc lộ 279: Từ xã Hồng Quang huyện Chiêm Hoá đến xã Đà Vị huyện Na Hang, chiều dài 96km.

*(Chi tiết các tuyến Quốc lộ theo phụ lục 1 kèm theo)*

**2. Các tuyến đường tỉnh (ký hiệu ĐT.)** có tổng chiều dài 392,6 km :

2.1. Tuyến ĐT. 106: Từ ngã ba Nông Tiến - thị xã Tuyên Quang đến thị trấn Chiêm Hoá, chiều dài: 74,1km.

2.2. Tuyến ĐT. 116: Từ ngã ba Sơn Nam (QL.2C), xã Sơn Nam đến xã Mỹ Bằng huyện Yên Sơn, chiều dài: 84km.

2.3. Tuyến ĐT. 118: Từ ngã ba Đái Thị đến đỉnh đèo Keo Mác huyện Chiêm Hoá, chiều dài: 30km.

2.4. Tuyến ĐT. 118.3: Từ thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hoá đến xã Bình An huyện Chiêm Hoá, chiều dài: 40km (không kể 5 km đi chung QL.279).

2.5. Tuyến ĐT. 118.4: Từ xã Bình Xa đến thôn Lục Khang xã Yên Thuận huyện Hàm Yên, chiều dài: 61,5km.

2.6. Tuyến ĐT. 118.5: Từ km 166 QL.2 xã Thái Sơn - huyện Hàm Yên đến xã Thượng Giáp huyện xã Hùng, chiều dài: 116 km (không kể 35 km đi chung QL. 279).

*(Chi tiết các tuyến đường tỉnh theo phụ lục 2 kèm theo)*

**3. Các tuyến đường huyện (ký hiệu ĐH):** Là đường nối từ trung tâm hành chính của huyện với trung tâm hành chính của xã, cụm xã hoặc trung tâm hành chính của huyện với các tuyến đường nối đường tỉnh với trung tâm hành chính của xã hoặc trung tâm của xã. Tổng chiều dài các tuyến đường huyện trong tỉnh là 595,4 km, trong đó:

- Huyện Nông Sơn = 122,5 km.
- Huyện Chiêm Hoá = 146,0 km
- Huyện Hàm Yên = 57,2 km
- Huyện Yên Sơn = 129,5 km
- Huyện Sơn Dương = 140,2 km

*(Chi tiết các tuyến đường huyện theo phụ lục 3 kèm theo)*

**4. Các tuyến đường đô thị (ký hiệu ĐĐT):** Chiều dài 121,59 km, là các đường giao thông nội thành phạm vi địa giới hành chính thị xã Tuyên Quang, các thị trấn huyện.

*(Chi tiết các tuyến đường đô thị theo phụ lục 4 kèm theo)*

**5. Các tuyến đường xã (ký hiệu ĐX):** Là đường nối từ trung tâm hành chính của xã với các thôn, xóm, bản hoặc đường nối giữa các xã.

**6. Các tuyến đường chuyên dùng (ký hiệu ĐCD):** Là các đường chuyên phục vụ cho việc vận chuyển, đi lại của một hoặc nhiều cơ quan, doanh nghiệp, tư nhân.

**Điều 4:** Phân cấp quản lý hệ thống giao thông đường bộ :

**1. Các tuyến Quốc lộ:**

1.1. Tuyến Quốc lộ 2: Bộ Giao thông Vận tải đã giao cho Cục Đường bộ Việt Nam trực tiếp quản lý, bảo trì và khai thác.

1.2. Tuyến Quốc lộ 37, Quốc lộ 2C và Quốc lộ 279: Bộ Giao thông Vận tải uỷ quyền cho tỉnh quản lý. Giao cho Sở Giao thông vận tải trực tiếp quản lý, bảo trì và khai thác.

2. **Hệ thống đường tỉnh** : Giao cho Sở Giao thông Vận tải trực tiếp quản lý, bảo trì và khai thác.

3. **Hệ thống đường đô thị** : Giao cho Sở Xây dựng trực tiếp quản lý, bảo trì và khai thác.

4. **Hệ thống đường huyện** : Giao cho Ủy ban nhân dân các huyện trực tiếp quản lý, bảo trì và khai thác theo địa giới hành chính huyện.

5. **Hệ thống đường xã** : giao cho Ủy ban nhân dân các xã trực tiếp quản lý, bảo trì và khai thác theo địa giới hành chính xã.

6. **Các tuyến đường chuyên dùng** : giao cho các cơ quan có đường trực tiếp quản lý, bảo trì và khai thác. Việc điều chỉnh đường chuyên dùng thành đường huyện, đường tỉnh phải được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; điều chỉnh thành đường xã phải do Ủy ban nhân dân huyện quyết định.

### CHƯƠNG III TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ

**Điều 5** : Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm:

1. Xây dựng kế hoạch quản lý, bảo trì hàng năm hệ thống đường tỉnh gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, tổ chức thực hiện việc quản lý, bảo trì hệ thống đường bộ được giao quản lý.

2. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị quản lý đường bộ thực hiện các quy định trong công tác quản lý, bảo trì đường bộ.

3. Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã để thực hiện việc bảo vệ công trình giao thông và hành lang an toàn đường bộ.

4. Kiểm tra, thanh tra và xử lý theo thẩm quyền đối với việc thực hiện quản lý, bảo trì ở các đơn vị quản lý và sửa chữa đường bộ, công tác đảm bảo giao thông của các nhà thầu thi công trên đường bộ đang khai thác thuộc phạm vi được giao quản lý.

5. Hướng dẫn các đơn vị quản lý giao thông trên địa bàn tỉnh thực hiện công tác phòng, chống và khắc phục thiệt hại do bão lụt gây ra. Thực hiện đảm bảo giao thông các tuyến đường được giao quản lý.

6. Lưu trữ và quản lý hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo phân cấp. Cấp và thu hồi giấy phép thi công đường bộ theo phân cấp.

7. Hàng năm, trên cơ sở dự toán ngân sách được giao, phân bổ vốn quản lý, bảo trì hệ thống đường bộ được phân cấp quản lý.

8. Phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã chỉ đạo các đơn vị quản lý giao thông lập kế hoạch sửa chữa thường xuyên, định kỳ hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

9. Thẩm định thiết kế, dự toán các công trình duy tu, sửa chữa đường bộ để người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

10. Phê duyệt thiết kế, dự toán sửa chữa thường xuyên các tuyến đường được phân cấp quản lý.

11. Hướng dẫn và kiểm tra công tác khoán duy tu bảo dưỡng đường bộ của các đơn vị quản lý giao thông trong tỉnh.

12. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ giao thông xã, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho công nhân giao thông.

**Điều 6:** Sở Xây dựng có trách nhiệm :

1. Xây dựng kế hoạch quản lý, bảo trì và hàng năm hệ thống đường đô thị gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; tổ chức thực hiện việc quản lý, bảo trì hệ thống đường đô thị được giao quản lý.

2. Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, Sở Giao thông Vận tải và cơ quan có liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ công trình đường bộ.

3. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ hành lang an toàn đường bộ, chống lấn chiếm, cưỡng chế dỡ bỏ các công trình xây dựng trái phép để giải toả hành lang an toàn đường bộ hệ thống đường đô thị.

4. Huy động mọi lực lượng, vật tư, thiết bị để bảo vệ công trình, kịp thời khôi phục giao thông khi xảy ra thiên tai, địch họa hệ thống đường đô thị.

5. Kiểm tra, thanh tra và xử lý theo thẩm quyền đối với việc thực hiện quản lý, bảo trì ở các đơn vị quản lý và sửa chữa đường bộ, công tác đảm bảo giao thông của các nhà thầu thi công trên đường bộ đang khai thác thuộc hệ thống đường đô thị.

6. Cấp và thu hồi giấy phép thi công các công trình trên đường đô thị theo phân cấp.

7. Lưu trữ và quản lý hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng giao thông hệ thống đường đô thị được phân cấp quản lý.

8. Hàng năm, trên cơ sở dự toán ngân sách được giao, phân bổ vốn quản lý, bảo trì hệ thống đường đô thị được phân cấp quản lý.

9. Phê duyệt thiết kế dự toán sửa chữa thường xuyên các tuyến đường đô thị được phân cấp quản lý.

**Điều 7:** Ủy ban nhân dân huyện, thị xã có trách nhiệm:

1. Xây dựng kế hoạch vốn quản lý, bảo trì hàng năm hệ thống đường huyện theo phân cấp gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp trình Ủy ban nhân

dân tình phê duyệt; Tổ chức thực hiện việc quản lý, bảo trì hệ thống đường bộ được phân cấp quản lý.

2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nhân dân các quy định về phạm vi đất dành cho đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3. Quản lý, sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật; xử lý kịp thời các lấn chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ.

4. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các cơ quan liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ công trình đường bộ.

5. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ hành lang an toàn đường bộ, chống lấn chiếm, cưỡng chế dỡ bỏ các công trình xây dựng trái phép để giải tỏa hành lang an toàn đường bộ.

6. Huy động mọi lực lượng, vật tư, thiết bị để bảo vệ công trình, kịp thời khôi phục giao thông khi bị thiên tai, địch họa.

7. Kiểm tra, thanh tra và xử lý theo thẩm quyền đối với việc thực hiện quản lý, bảo trì ở các đơn vị quản lý và sửa chữa đường bộ, công tác đảm bảo giao thông của các nhà thầu thi công trên đường bộ đang khai thác thuộc phạm vi được phân cấp quản lý.

8. Cấp và thu hồi giấy phép thi công các công trình trên các tuyến đường huyện theo phân cấp.

9. Lưu trữ và quản lý hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo phân cấp.

10. Hàng năm, trên cơ sở dự toán ngân sách được giao, phân bổ vốn quản lý, bảo trì hệ thống đường bộ được phân cấp quản lý.

11. Phê duyệt thiết kế, dự toán sửa chữa thường xuyên các tuyến đường được phân cấp quản lý.

12. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn huyện theo quy định của pháp luật.

**Điều 8 :** Sở Kế hoạch và đầu tư có trách nhiệm tổng hợp, cân đối kế hoạch vốn quản lý, bảo trì hàng năm hệ thống đường tỉnh, đường huyện và đường đô thị (thực hiện đồng thời với xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách hàng năm) trình UBND tỉnh phê duyệt

**Điều 9 :** Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn:

1. Quản lý và bảo trì hệ thống đường bộ được giao trên địa bàn cấp xã quản lý.

2. Tuyên truyền, phổ biến và giáo dục nhân dân các quy định về phạm vi đất dành cho đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3. Phối hợp với các đơn vị trực tiếp quản lý công trình đường bộ và các lực lượng liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ công trình đường bộ bao gồm cả việc giữ gìn các mốc lộ giới.

4. Quản lý, sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật; phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi, vụ việc lấn chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ.

5. Huy động mọi lực lượng, vật tư, thiết bị để bảo vệ công trình, kịp thời khôi phục giao thông khi bị thiên tai, dịch họa.

6. Lập biên bản để xử lý những hành vi vi phạm hành lang an toàn công trình giao thông trên địa bàn xã, phường, thị trấn; tham gia quản lý hành lang an toàn đường bộ trên địa bàn (kể cả Quốc lộ và đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị).

7. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn cấp xã quản lý theo quy định của pháp luật.

#### **CHƯƠNG IV** **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ** **QUẢN LÝ VÀ BẢO TRÌ, SỬA CHỮA ĐƯỜNG BỘ.**

**Điều 10:** Đoạn quản lý và sửa chữa đường bộ Tuyên Quang:

1. Lập kế hoạch quản lý, bảo trì đường bộ, hành lang an toàn đường bộ các tuyến đường được giao duy tu, bảo dưỡng báo cáo Sở Giao thông vận tải để tổng hợp gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

2. Chỉ đạo, điều hành công tác tuần đường; sửa chữa kịp thời các hư hỏng cầu, cống, đường; xử lý nhanh chóng khi có thông tin về tai nạn giao thông; tổ chức phân luồng đảm bảo giao thông. Trường hợp hư hỏng nặng vượt quá khả năng thì vừa tổ chức đảm bảo giao thông vừa báo cáo kịp thời Sở Giao thông vận tải.

Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương các cấp, thanh tra giao thông để bảo vệ công trình giao thông và hành lang an toàn đường bộ.

3. Lập kế hoạch, phương án phòng, chống bão lụt; tổ chức ứng cứu, khắc phục kịp thời khi có sự cố.

4. Lập dự toán công tác quản lý, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa định kỳ các tuyến đường được giao quản lý trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

5. Thực hiện nhiệm vụ duy tu sửa chữa đường bộ, quản lý hành lang an toàn đường bộ và cây xanh ven lộ. Bảo đảm giao thông đi lại êm thuận và thông suốt trên các tuyến đường Quốc lộ do Trung ương uỷ thác và đường địa phương được phân cấp quản lý.

6. Tham gia kiểm tra an toàn giao thông đối với các công trình đang hoàn thiện chuẩn bị bàn giao đưa vào khai thác sử dụng.

7. Tổ chức đếm xe, phân loại cầu đường, cập nhật tình trạng cầu đường và báo cáo theo quy định.

8. Lập hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo phân cấp, lưu giữ, bảo quản và thường xuyên bổ sung đầy đủ diễn biến và biện pháp khắc phục hư hỏng cầu đường vào hồ sơ quản lý.

**Điều 11:** Trách nhiệm của các Hạt Quản lý giao thông huyện, Công ty quản lý và xây dựng phát triển đô thị Tuyên Quang :

1. Lập kế hoạch quản lý, bảo trì đường bộ, hành lang an toàn đường bộ các tuyến đường được giao duy tu bảo dưỡng gửi cơ quan quản lý đường bộ theo phân cấp đề tổng hợp gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

2. Chỉ đạo, điều hành công tác tuần đường; sửa chữa kịp thời các hư hỏng cầu, cống, đường; kịp thời xử lý khi có thông tin về tai nạn giao thông; tổ chức phân luồng đảm bảo giao thông. Trường hợp hư hỏng nặng vượt quá khả năng thì vừa tổ chức đảm bảo giao thông vừa báo cáo kịp thời Ủy ban nhân dân huyện và Sở Giao thông vận tải và Sở Xây dựng.

Phối hợp chặt chẽ với chính quyền xã, phường, thị trấn, thanh tra giao thông - Sở Giao thông vận tải, thanh tra Xây dựng - Sở Xây dựng để bảo vệ công trình giao thông và hành lang an toàn đường bộ.

3. Lập kế hoạch, phương án phòng, chống bão lụt; tổ chức ứng cứu, khắc phục kịp thời khi có sự cố.

4. Lập dự toán công tác quản lý, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa định kỳ các tuyến đường được giao quản lý trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

5. Thực hiện nhiệm vụ duy tu sửa chữa đường bộ, quản lý hành lang an toàn đường bộ và cây xanh ven lộ. Bảo đảm giao thông đi lại êm thuận và thông suốt trên các tuyến đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị và đường địa phương được giao quản lý.

6. Tham gia kiểm tra an toàn giao thông đối với các công trình đang hoàn thiện chuẩn bị bàn giao đưa vào khai thác sử dụng.

7. Theo dõi, cập nhật tình trạng cầu đường và báo cáo theo quy định.

8. Lập hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo phân cấp, lưu giữ, bảo quản và thường xuyên bổ sung đầy đủ diễn biến và biện pháp khắc phục hư hỏng cầu đường vào hồ sơ quản lý.

## **CHƯƠNG V**

### **NGUỒN VỐN HỖ TRỢ ĐẦU TƯ**

#### **CHO CÔNG TÁC QUẢN LÝ, BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ**

**Điều 12:** Nguồn vốn hỗ trợ đầu tư cho công tác quản lý, bảo trì đường bộ:

1. Nguồn vốn hỗ trợ đầu tư cho quản lý, bảo trì hệ thống Quốc lộ từ nguồn vốn của Ngân sách Trung ương và từ các nguồn vốn hỗ trợ khác theo quy định.

2. Nguồn vốn hỗ trợ đầu tư cho quản lý, bảo trì hệ thống đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị, chủ yếu bố trí từ nguồn vốn của ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và từ các nguồn vốn hỗ trợ khác theo quy định.

3. Vốn hỗ trợ đầu tư cho quản lý, bảo trì hệ thống đường xã chủ yếu được cân đối từ nguồn ngân sách xã (phường, thị trấn), đóng góp của nhân dân và từ các nguồn vốn hỗ trợ khác theo quy định.

**Điều 13:** Vốn cho quản lý, bảo trì đường bộ được sử dụng vào những nội dung sau:

- Hoạt động quản lý nhà nước và phục vụ trong giao thông đường bộ, bao gồm: tổ chức theo dõi tình trạng kỹ thuật và quản lý công trình đường bộ; tổ chức giao thông đường bộ; kiểm tra, thanh tra việc bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; hoạt động của các trạm kiểm tra tải trọng xe, các trạm thu phí sử dụng đường bộ; hoạt động các bến phà, cầu phao có số thu không đủ chi thường xuyên; dự phòng các vật tư, thiết bị, phương tiện cho đảm bảo giao thông đường bộ; các hoạt động khác về quản lý nhà nước và phục vụ trong giao thông đường bộ.

- Công tác bảo trì đường bộ bao gồm:

- + Bảo dưỡng thường xuyên đường bộ;
- + Sửa chữa định kỳ (sửa chữa vừa và sửa chữa lớn) đường bộ;
- + Sửa chữa đột xuất đường bộ, khắc phục hậu quả thiên tai hoặc các nguyên nhân khác.

1. Vốn cho quản lý và sửa chữa thường xuyên:

Căn cứ yêu cầu của công tác sửa chữa thường xuyên gồm: Phát quang, cắt cỏ, bạt mái ta luy, vét rãnh, vệ sinh mặt đường, hè đường... hót đất sụt lè tề, đắp phụ nền, lè đường, vá ổ gà, xử lý cao su, sơn cọc tiêu, biển báo, vạch kẻ đường... khối lượng nhỏ theo định mức bảo dưỡng thường xuyên đường bộ.

Hàng năm Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí dự toán ngân sách và giao kinh phí hỗ trợ cho công tác quản lý và sửa chữa thường xuyên theo định mức tính cho từng loại: Đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị. Căn cứ số lượng ki lô mét từng loại đường của mỗi huyện, thị xã và định mức quy định, Ủy ban nhân dân tỉnh giao kế hoạch ngay từ đầu năm cho Sở Giao thông Vận tải (đối với hệ thống đường tỉnh), Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã (đối với hệ thống đường huyện) và Sở Xây dựng (đối với hệ thống đường đô thị) để phân bổ vốn cho các đơn vị quản lý đường.

Trong quá trình thực hiện nếu có biến động về chính sách tiền lương, giá vật tư... do Nhà nước quy định làm ảnh hưởng đến định mức chi phí cho quản lý, duy tu bảo dưỡng thì Sở Giao thông vận tải chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã lập phương án điều chỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

## 2. Vốn cho sửa chữa định kỳ:

Căn cứ yêu cầu của công tác sửa chữa định kỳ gồm: Sơn các cầu thép; bảo dưỡng cầu treo, cầu phao, phà, ca nô, pu li cáp, bôi mỡ gối cầu; láng nhựa lớp 2, vá ô gà, xử lý cao su, tẩy lươn sóng mặt đường cấp phối, đường đất với khối lượng lớn ...theo quy định của Bộ Giao thông vận tải. Ngay từ đầu năm, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã chủ động lập Tờ trình gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch vốn và phê duyệt chủ trương đầu tư sửa chữa; các bước tiếp theo thực hiện như đối với các công trình xây dựng cơ bản.

**3. Vốn cho sửa chữa đột suất:** Là công việc sửa chữa cấp thiết do lũ lụt, thiên tai hoặc sự cố làm hư hỏng cầu, đường. Công tác này phải được xử lý kịp thời với khả năng sẵn có của đơn vị trực tiếp quản lý, đồng thời báo cáo UBND tỉnh, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng để có biện pháp xử lý triệt để và trợ giúp nếu cần thiết. Việc điều tra, khảo sát thiệt hại công trình về chất lượng, khối lượng và lập biên bản xác nhận thiệt hại gồm đại diện các cơ quan: Sở Giao thông Vận tải, Sở Xây dựng, UBND cấp huyện, đơn vị quản lý đường. Công tác sửa chữa đột suất được đầu tư theo báo cáo phương án xử lý kỹ thuật được lập, qua Sở chuyên ngành thẩm định để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và cấp kinh phí, trong trường hợp cấp thiết phải đảm bảo giao thông, được phép vừa triển khai thi công vừa hoàn thành các thủ tục cần thiết để đảm bảo giao thông được an toàn, thông suốt.

**Điều 14:** Phê duyệt quyết toán nguồn vốn quản lý, bảo trì đường bộ :

1. Sở Tài chính tổ chức thẩm tra, phê duyệt quyết toán đối với đường tỉnh, đường đô thị.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã tổ chức thẩm tra, phê duyệt quyết toán đối với đường huyện theo phân cấp.

**Điều 15:** Việc quản lý, cấp phát, thanh toán, quyết toán vốn quản lý, bảo trì đường bộ thực hiện theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

## CHƯƠNG VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 16 :** Bản quy định này được áp dụng thực hiện trên địa bàn tỉnh kể từ ngày Quyết định ban hành quy định về quản lý giao thông đường bộ có hiệu lực thi hành và thay thế cho bản quy định ban hành kèm theo Quyết định số 10/2003/QĐ-UB ngày 20 tháng 01 năm 2003 của UBND tỉnh.

Trong quá trình thực hiện, nếu có những nội dung chưa phù hợp, Sở Giao thông Vận tải, Sở Xây dựng, UBND các huyện, thị xã tổng hợp báo cáo UBND tỉnh để bổ sung cho phù hợp với yêu cầu quản lý sửa chữa và xây dựng phát triển hệ thống đường bộ trên địa bàn tỉnh.

Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông vận tải, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Thủ trưởng các ban, ngành có liên quan, Chủ tịch UBND

các huyện, thị xã, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn, Thủ trưởng các đơn vị quản lý giao thông, căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy định này.

**Điều 17:** Những tập thể, cá nhân làm tốt công tác quản lý đường bộ theo quy định này được khen thưởng. Mọi hành vi thiếu trách nhiệm trong công tác quản lý đường bộ, làm trái các quy định trên, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo pháp luật hiện hành. *col.*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH



TỔNG HỢP HỆ THỐNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 125/2007/QĐ-UBND ngày 15/5/2007 của UBND tỉnh)



STT	LOẠI ĐƯỜNG	SỐ TUYẾN	CHIỀU DÀI (KM)	GHI CHÚ
I	HUYỆN NA HANG		180,50	
1	Đường tỉnh	1: ĐT.190	56,00	
2	Đường huyện	11	122,50	
3	Đường đô thị	1	2,00	
II	HUYỆN CHIÊM HOÁ		285,60	
1	Đường tỉnh	4: ĐT.190, ĐT.188, ĐT.187, ĐT.185	134,10	
2	Đường huyện	11	146,00	
3	Đường đô thị	7	5,50	
III	HUYỆN HÀM YÊN		135,95	
1	Đường tỉnh	2: ĐT.190, ĐT.189	69,50	
2	Đường huyện	6	57,20	
3	Đường đô thị	7	9,25	
IV	HUYỆN YÊN SƠN		203,80	
1	Đường tỉnh	2: ĐT.185, ĐT.186	69,00	
2	Đường huyện	14	129,50	
3	Đường đô thị	2	5,30	
V	HUYỆN SƠN DƯƠNG		198,81	
1	Đường tỉnh	1: ĐT.186	57,00	
2	Đường huyện	16	140,21	
3	Đường đô thị	1	1,60	
VI	THỊ XÃ TUYÊN QUANG		104,94	
1	Đường tỉnh	1: ĐT.185	7,00	
2	Đường đô thị	100	97,94	



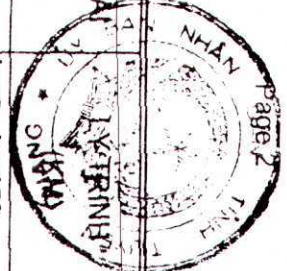
Phụ lục: 01

STT	TÊN ĐƯỜNG	SỐ HIỆU ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (KM)	LÝ TRÌNH (KM)	ĐIỂM ĐẦU		ĐIỂM CUỐI		GHI CHÚ
					DIA DANH	DIA DANH	DIA DANH	DIA DANH	
	<i>Tổng cộng:</i>		<u>340,6</u>						
1	Quốc lộ 2	QL 2	90	km115 - Km205	Xã Đội Bình, huyện Yên Sơn	Xã Yên Lâm, huyện Hàm Yên			
2	Quốc lộ 37	QL 37	63,4						
			61,352	km172+800- km238+152	Đèo Khế, xã Hợp Thành, huyện Sơn Dương	Cầu Bồng, xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn			
			2,048	km234+700- km236+478 (nhánh đi phá Hiên)					
3	Quốc lộ 22	QL 22	91,2	km49+750- km147+250	Xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương	Xã Lăng Quân, huyện Yên Sơn			
4	Quốc lộ 279	QL 279	96,0	km0- km96	Xã Hồng Quang, huyện Chiêm Hoá	Xã Đà Vĩ, huyện Na Hang			

HỆ THỐNG ĐƯỜNG TỈNH

Phụ lục : 02

STT	SỐ HIỆU VÀ TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (KM)	LY TRÌNH (KM)	ĐIỂM ĐẦU - ĐIỂM CUỐI	GHI CHÚ
	<i>Tổng cộng:</i>	392,6			
I	DT.185 Nông Tiến - Kim Bình- Chiêm Hoá	74,1	km0 - km74+100	Ngã ba Nông Tiến - TT Chiêm Hoá	
1	Thị xã Tuyên Quang	7	km0 - km7	Ngã ba Nông Tiến - Ngã ba Tân Long	
2	Huyện Yên Sơn	42	km7 - km49	Tân Long - Kiên Thiết	
3	Huyện Chiêm Hoá	25,1	km49 - km 74,1	Xã Kim Bình - TT Chiêm Hoá	
II	DT.186	84	km 0 - km 84	Ngã ba Sơn Nam, huyện Sơn Dương- Xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn	Thương Ấm (km192+700 QL.37)- Đột Cấn (km123+400 QL.2) hiện đã giao cho Đoàn
1	Huyện Sơn Dương	57	km0- Km6	Ngã ba Sơn Nam- Thương Ấm (Km192+700 QL.37)- Vĩnh Lợi	
2	Huyện Yên Sơn	27	km0- Km5+150	Cầu An Hoà- Xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn	
III	DT.187 Đại Thi - Keo Mác	17	km0 - km17	Đại Thi - Keo Mác	
1	Huyện Chiêm Hoá	17	km0 - km17	Đại Thi- Đỉnh đèo Keo Mác (xã Yên Lập)	Kéo dài thêm 3km đường DT.176 cũ khi đi theo cầu Đại Thi mới.
IV	DT.188 Chiêm Hoá- Bình An	40	km0 - km45	Thị trấn Chiêm Hoá - Xã Bình An	Kéo dài từng QL.279 (từ km25- km30)
1	Huyện Chiêm Hoá	40	km0 - km40		
V	DT.189 Bình Xa- Yên Thuận	61,5	km0 - km61,5	Bình Xa - Yên Thuận	
1	Huyện Hàm Yên	61,5	km0 - km 61,5	Km 6 DT. 190 xã Bình Xa- Thôn Lục Khang xã Yên Thuận	

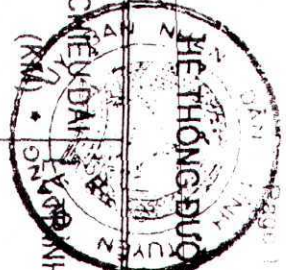


STT	SỐ HIỆU VÀ TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (KM)	ĐIỂM ĐẦU - ĐIỂM CUỐI	GHI CHÚ
VI	<b>ĐT.190 Thái Sơn- Thương Giáp</b>	<b>116</b>	<b>Km 0 - km150</b>	
1	Huyện Hàm Yên	8	Xã Thái Sơn - Xã Bình Xã	
2	Huyện Chiêm Hoà	52	Xã Yên Nguyên - Xã Yên Lập	
3	Huyện Nà Hang	56		
	Gồm:	20	Xã Thanh Tương - TT Nà Nang	
			TT Nà Hang- Đà Vĩ	Đi trung QL.279
		36	Xã Đà Vĩ - Xã Thương Giáp	

HỆ THỐNG ĐƯỜNG HUYỆN

Phụ lục: 03

STT	TÊN ĐƯỜNG	SỐ HIỆU ĐƯỜNG	CẤP ĐỘ ĐƯỜNG (KM)	ĐIỂM ĐẦU - ĐIỂM CUỐI (KILOMÉT)	GHI CHÚ
	<b>Tổng cộng:</b>		<b>595,41</b>		
1	<b>Huyện Nhà Hàng</b>		<b>122,50</b>		
1	Sơn Phú - Bản Lãm - Yên Hoa	DH.01	8,00	km0 - km 16	3km đầu và 5 km cuối tuyến bị ngập
2	Yên Hoa - Sinh Long	DH.02	16,00	km0 - km 16	
3	Thượng Lãm - Lãng Can	DH.03	12,00	km0 - km 12	
4	Đà Vĩ - Hồng Thái	DH.04	13,00	km0 - km 13	
5	Thượng Lãm - Phúc Yên	DH.05	8,00	km0 - km 16	8km cuối tuyến bị ngập
6	Né - Thanh Tương	DH.06	4,00	km0 - km 4	
7	Năng Khả - Thủy Loa	DH.07	25,00	km0 - km 47	22km cuối tuyến bị ngập
8	Yên Hoa - Côn Lôn	DH.08	4,00	km0 - km 7	3km đầu tuyến bị ngập
9	Yên Hoa - Khau Tinh	DH.09	8,50	km0 - km 13,5	5km đầu tuyến bị ngập
10	Lãng Can - Xuân Lập	DH.10	14,00	km0 - km 14	
11	Thanh Tương - Bản Bưng (xã Thanh Tương)	DH.11	10,00	km0 - km 10	
II	<b>Huyện Chiêm Hoá</b>		<b>146,00</b>		
1	Phúc Thịnh - Trung Hà	DH.01	32,00	km0 - km 32	
2	Kim Bình - Linh Phú	DH.02	18,00	km0 - km 18	
3	Đầm Hồng - Kiên Đại	DH.03	19,00	km0 - km 19	
4	Yên Lập - Bình Phú - Kiên Đại	DH.04	19,00	km0 - km 19	Kéo dài đoạn qua cầu Pắc Cáp đến Kiên Đại
5	TT Chiêm Hoá - Nhân Lý	DH.05	16,00	km0 - km 16	
6	Vinh Quang - Bình Nhân	DH.06	5,00	km0 - km 5	
7	Minh Quang - Hồng Quang	DH.07	12,00	km0 - km 25	
8	Na Héc - Hà Lang	DH.08	8,00	km0 - km 8	
9	Phúc Thịnh - Tân Thịnh	DH.09	3,00	km0 - km 3	



STT	TÊN ĐƯỜNG	SỐ HIỆU ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (KM)	TIỂU ĐOẠN (KM)	DIỂM ĐẦU - ĐIỂM CUỐI (KILOMÉT)	ĐIỂM ĐẦU - ĐIỂM CUỐI (KILOMÉT)	GHI CHÚ
10	Xuân Quang - Hùng Mỹ	DH.10	8,96	km0 - km 6	Xã Xuân Quang - Xã Hùng Mỹ		
11	Hoà Phú - Nhân Lý	DH.11	8,00	km0 - km 8	Xã Hoà Phú - Xã Nhân Lý	Đi đường đèo Chắp	
<b>III</b>	<b>Huyện Hàm Yên</b>		<b>57,20</b>				
1	TT Tân Yên - Nhân Mục	DH.01	6,00	km0 - km 6	TT Tân Yên - Xã Nhân Mục		
2	Đức Ninh - Hùng Đức	DH.02	11,00	km0 - km 11	Km 159 QL2 - Xã Hùng Đức		
3	Thái Hoà - Hồng Thái	DH.03	6,00	km0 - km 6	Km 162 QL2 - Thái Hoà		
4	Bình Xa - Minh Hương	DH.04	43,00	km0 - km 13	Chợ Bình Xa - Xã Minh Hương		
5	Thái Sơn - Bằng Cốc	DH.05	18,20	km0 - km15+200	Km166 QL2 - Xã Thành Long - Xã Bằng Cốc - Ngã ba Nhân Mục		
6	Km199 QL2 - Yên Lâm	DH.06	3,00	km0 - km 3	Km 199 QL2 - Xã Yên lâm		
<b>IV</b>	<b>Huyện Yên Sơn</b>		<b>129,50</b>				
1	Hùng Lợi - Trung Minh	DH.01	14,00	km0 - km 14	Xã Hùng Lợi - Xã Trung Minh		
2	Thái Bình - Công Đa - Đạo Viên	DH.02	19,00	km0 - km 19	Xã Thái Bình - Công Đa - Xã Đạo Viên		
3	Km 130 QL2 - Bình Ca	DH.03	8,00	km0 - km 8	Xã Lương vương - Xã An Khang		
4	Trung Môn - Chân Sơn	DH.04	7,00	km0 - km 7	Xã Trung Môn - Xã Chân Sơn		
5	Trung Môn - Kim Phú	DH.05	10,00	km0 - km 10	Xã Trung Môn - Xã Kim Phú		
6	Km 126 QL 2 - Thái Long	DH.06	4,00	km0 - km 4	Km 126 QL 2 - Xã Thái Long		
7	Cầu Tiên Phong - Thảng Quán	DH.07	3,00	km0 - km 3	Cầu Tiên Phong - Xã Thảng Quán		
8	Tứ Quận - Quý Quán	DH.08	22,00	km0 - km 22	Cầu Tứ Quận - Xã Quý Quán		
9	Phúc Ninh - Chiêu Yên	DH.09	9,00	km0 - km 9	Xã Phúc Ninh - Xã Chiêu Yên		
10	Trung Sơn - Hùng Lợi	DH.10	9,50	km0 - km 9,5	Ngã ba Trung Sơn - Xã Hùng Lợi		
11	Thái Bình - Tiến Bộ	DH.11	5,00	km0 - km 5	Xã Thái Bình - Xã Tiến Bộ		
12	Tràng Đà - Tân Tiến	DH.12	10,00	km0 - km 10	Ngã ba Tràng Đà - Xã Tân Tiến		
13	Km 146 QL2 - Lăng Quán	DH.13	5,00	km0 - km 5	Km 146 QL2 - Xã Lăng Quán		
14	Km 221 QL37 - Hoàng Khai	DH.14	4,00	km0 - km 4	Km 221 QL37 - Xã Hoàng Khai		
<b>V</b>	<b>Huyện Sơn Dương</b>		<b>140,21</b>				
1	Tam Đa - Phan Lương - Lâm Xuyên	DH.01	6,00	km0 - km 6	Xã Tam Đa - Xã Lâm Xuyên		

STT	TÊN ĐƯỜNG	SỐ HIỆU ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (KM)	LY TRÌNH (KM)	ĐIỂM ĐẦU - ĐIỂM CUỐI	GHI CHÚ
2	Kỳ Lâm - Lương Thiện	DH.02	12,00	Km0 - km 12	TT Sơn Dương - Xã Lương Thiện	
3	Kỳ Lâm - Thiện Kế - Ninh Lai	DH.03	27,50	Km0 - km 26	TT Sơn Dương - Xã Ninh Lai	Có 1,5km nhánh từ ngã ba đường rẽ cầu Thiện Kế - Km55+150 QL.2C.
4	Vinh Lợi - Kim Xuyên - Tam Đa	DH.04	28,00	Km0 - km28	Vinh Lợi - Kim Xuyên	
5	Km55 đường DT.186 - Cấp Tiến	DH.05	6,00	Km0 km6	Xã Vinh Lợi - Xã Cấp Tiến	
6	Chi Thiết - Phú Lương	DH.06	13,00	Km0 - km 13	Xã Chi Thiết - Xã Phú Lương	
7	Trần Suối Lê - Minh Thanh	DH.07	3,00	Km0 - km 3	Trần Suối Lê - Minh Thanh	
8	Tuan Lô - Đông Thọ	DH.08	16,00	Km0 - km 16	Xã Tuan Lô - Xã Đông Thọ	
9	Tân Trào - Trung Yên	DH.09	6,00	Km0 - km 6	Xã Tân Trào - Xã Trung Yên	
10	Tân Trào - Bình Yên	DH.10	3,00	Km0 - km 3	Xã Tân Trào - Xã Bình Yên	
11	Hồng Lạc - Sầm Dương	DH.11	2,50	Km0 - km 2+500	Xã Hồng Lạc- Xã Sầm Dương	
12	Km56 đường DT.186- Vinh Lợi	DH.12	2,00	Km0 - km 0	Xã Vinh Lợi	
13	Đông Thọ - Quyết Thắng	DH.13	5,60	Km0 - km 5+600	Xã Đông Thọ - Xã Quyết Thắng	
14	Cầu và đường dẫn cầu Thác Dăng	DH.14	1,51	Km0 - Km1+511	Ngã ba giao với Km90+700 QL. 2C	Giao với đường cầu trắng- Lũng Tầu
15	Đường cầu Trắng- Lân Nà Lừa- Lũng Tầu	DH.15	4,70	Km0 - Km4+700	Ngã ba giao với Km91+600 QL. 2C	Lũng Tầu
16	Đường Tân Keo- Bảo tàng Tân Trào	DH.16	3,40	Km0 - km3+400	Tân Keo	Bảo tàng Tân Trào



HỆ THỐNG ĐƯỜNG ĐÔ THỊ

Phụ lục: 04

STT	TÊN ĐƯỜNG	SỐ HIỆU ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (KM)	CHIỀU RỘNG (KM)	ĐIỂM ĐẦU		ĐIỂM CUỐI		GHI CHÚ
					ĐIỂM ĐẦU	ĐIỂM CUỐI			
	<i>Tổng cộng:</i>		<b>121,59</b>						
I	<b>Huyện Na Hang</b>		<b>2,00</b>						
1	Đường quanh thị trấn Na Hang	ĐĐT.01	2,00	Km0- Km2					
II	<b>Huyện Chiêm Hoá</b>		<b>5,50</b>						
1	Khánh Thiện- Quảng Thái	ĐĐT.01	2,30	Km0- Km2+300	Ngã ba Khánh Thiện	Quảng Thái			
2	Ngôi Năm- Bến xe Cũ	ĐĐT.02	0,70	Km0- Km0+700	Ngôi Năm	Bến xe cũ			
3	Hiệu sách- Hat Giao thông	ĐĐT.03	0,93	Km0- Km0+930	Hiệu sách	0			
4	Hạt Giao thông- cầu Ngôi Năm	ĐĐT.04	0,60	Km0- Km0+600	Hạt Quận lý giao thông	Cầu ngôi Năm			
5	Đường ngang- Phố mới	ĐĐT.05	0,27	Km0- Km0+270	Đường ngang	Phố mới			
6	Đường vào khu TT3	ĐĐT.06	0,30	Km0- Km0+300					
7	Đường Re1	ĐĐT.07	0,40	Km0- Km0+400					
III	<b>Huyện Hàm Yên</b>		<b>9,25</b>						
1	Ngã ba Kho Bạc- dốc Đèn	ĐĐT.01	1,70	Km0- Km1+700	Ngã ba Kho bạc	Ngã ba Dốc Đèn			
2	Đường Toà án - Chi Cục thuế	ĐĐT.02	0,40	Km0- Km0+300	Toà án huyện Hàm Yên	Chi Cục thuế Hàm Yên			
3	Chợ mới- Chợ cũ	ĐĐT.03	0,50	Km0- Km0+500	Km178, QL2	Thư viện Hàm Yên			
4	Đường Hoắc Trai	ĐĐT.04	0,65	Km0- Km0+650	Nhà văn hoá trung tâm huyện	Đường dẫn cầu Tân Yên			
5	Đường cầu Tân Yên	ĐĐT.05	3,70	Km0- Km3+700	Bưu điện Hàm Yên	Ngã ba Tân Thành			
6	Đường Đông Bàng	ĐĐT.06	2,00	Km0- Km2	Ngã ba Đông Bàng	Đôi Đông Bàng			
7	Đường Cổng Đồi	ĐĐT.07	0,30	Km0- Km0+300	Ngã ba Cổng Đồi	NVH khu Cổng Đồi			
IV	<b>Huyện Yên Sơn</b>		<b>5,30</b>						
1	Đường quanh UBND huyện	ĐĐT.01	1,30	Km0- Km1+300					
2	Đường quanh- TT Tân Bình	ĐĐT.02	4,00	Km0- Km4					
V	<b>Huyện Sơn Dương</b>		<b>1,60</b>						





STT	TÊN ĐƯỜNG	SỐ HIỆU ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (KM)	ĐIỂM ĐẦU	ĐIỂM CUỐI	GHI CHÚ
1	Tuyến đường 138	DDT.01	1,60	Km0 - Km1+600		
VI	Thị xã Tuyên Quang		97,94			
1	Đường liên xã, phường		25,51			
1.1	Đường Nguyễn Tất Thành	DDT.01	8,00	Km0-Km8+00	Đường Trường Chinh	Km 8 đường Tuyên Quang- Hà Nội
1.2	Đường Tân Trào	DDT.02	2,04	Km0-Km2+040	Đường 17/8	Hết địa phận thị xã
1.3	Đường Quang Trung	DDT.03	2,37	Km0-Km2+370	Đường 17/8	Đường Chiến Thắng Sông Lô
1.4	Đường 17/8	DDT.04	1,50	Km0- Km1+500	Đường Trường Chinh	Đường Chiến Thắng Sông Lô
1.5	Đường Kim Bình	DDT.05	6,70	Km0- Km6+700	Cổng nhà máy Xi măng	Đường Tân Trào
1.6	Đường Bình Thuận	DDT.06	4,90	Km0- Km4+900	Đường 17/8	Đường Nguyễn Tất Thành
2	Phường Phan Thiết		9,90			
2.1	Đường Phan Thiết	DDT.07	0,35	Km0- Km0+350	Ngã 3 giao với đường 17/8 (cổng Sở GTVT) đến ngã ba giao với phố Nam Cao (đường dọc khu dân cư Phan Thiết 2)	
2.2	Phố Nguyễn Lương Bằng	DDT.08	0,33	Km0- Km0+330	Đường Phan Thiết	Đường Hà Huy Tập
2.3	Phố Hoàng Quốc Việt	DDT.09	0,33	Km0- Km0+330	Đường Phan Thiết	Đường Hà Huy Tập
2.4	Đường Nguyễn Văn Linh	DDT.10	0,66	Km0- Km0+660	Đường Phan Thiết	Đường Đinh Tiên Hoàng
2.5	Phố Trần Đại Nghĩa	DDT.11	0,7	Km0- Km0+700	Đường Nguyễn Văn Linh	Hết Khu dân cư tổ 28
2.6	Phố Song Hào	DDT.12	0,60	Km0- Km0+600	Đường Nguyễn Văn Linh	Hợp tác xã Quyết Tiến cũ
2.7	Đường Hà Huy Tập	DDT.13	1,0	Km0- Km1+00	Đường Tân Trào	Công ty cầu đường
2.8	Phố Nam Cao	DDT.14	0,35	Km0- Km0+350	Đường Phan Thiết	Đường Quang Trung
2.9	Phố Hà Tuyên	DDT.15	0,70	Km0 - Km0+700	Đường 17/8	Đường Quang Trung
2.10	Phố Trần Nhân Tông	DDT.16	0,28	Km0 - Km 0+280	Đường 17/8	Phố Hồng Thái
2.11	Đường sau Sở điện vào hết khu C	DDT.17	0,12	Km0 - Km0+120	Phố Hà Tuyên	Phố Hồng Thái
2.12	Đường nội bộ khu C	DDT.18	0,18	Km0 - Km 0+180	Tập thể được cũ	
2.13	Đường khu dân cư tổ 1, 2 Phan Thiết	DDT.19				
	- Doan 1		0,70	Km0 - Km0+700	canh trường MN Tân Trào	

STT	TÊN ĐƯỜNG	SỐ HIỆU ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (KM)	ĐIỂM ĐẦU (KM)	ĐIỂM CUỐI	GHI CHÚ
	- Phố Tôn Thất Tùng		0,70	Km0 - Km 0+700	Trung tâm Hưng Sơn	Phố Hoa Lư
	- Phố Hoa Lư		0,34	Km0 - Km0+340	Đường Lê Duẩn	Đường 17/8
2.14	Đường sau cơ khí Quyết Thắng	DDT.20	0,80	Km0 - Km0+800	Đường Hà Huy Tập	Phố Song Hào
2.15	Đường Đinh Tiên Hoàng	DDT.21	0,80	Km0 - Km0+800	Đường Tân Trào	Đường Trần Phú
2.16	Đường tập thể Tỉnh Ủy	DDT.22	0,25	Km0 - Km0+250	Đường 17/8 (đổi diện tích lý)	Khu TT Tuy
2.17	Đường ra chợ Phan Thiết	DDT.23	0,36	Km0 - Km0+360	Đường Phan Thiết	Chợ Phan Thiết
2.18	Phố Hồng Thái	DDT.24	0,35	Km0 - Km0+350	Ngã ba đường 17/8	Đường Quang Trung
3	<b>Phường Minh Xuân</b>		<b>10,03</b>			
3.1	Đường Trần Hưng Đạo	DDT.25	1,00	Km0 - Km1+000	Đường 17/8 (Cực thống kê)	Bến đò Tràng Đà
3.2	Đường Xuân Hoà	DDT.26	0,85	Km0 - Km0+850	Đường 17/8 (Bưu điện tỉnh)	Phố Phan Đình Phùng
3.3	Phố Vũ Mũi	DDT.27	0,25	Km0 - Km0+250	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Văn Cừ
3.4	Phố Lý Thánh Tông	DDT.28	0,29	Km0 - Km0+290	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Văn Cừ
3.5	Phố Nguyễn Đình Chiểu	DDT.29	0,19	Km0 - Km0 +190	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Xuân Hoà
3.6	Phố Hoàng Thê Cao	DDT.30	0,20	Km0 - Km0+200	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Văn Cừ
3.7	Phố Bà Triệu	DDT.31	0,29	Km0 - Km0+290	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Văn Cừ
3.8	Phố Hai Bà Trưng	DDT.32	0,57	Km0 - Km0+570	Ngã ba Vươn Thánh	Đường Nguyễn Văn Cừ
3.9	Phố Lê Quý Đôn	DDT.33	0,35	Km0 - Km3+500	Phố Hai Bà Trưng	Đường Nguyễn Văn Cừ
3.10	Phố Hoàng Hoa Thám	DDT.34	0,35	Km0 - Km3+500	Phố Hai Bà Trưng	Đường Nguyễn Văn Cừ
3.11	Phố Phan Đình Phùng	DDT.35	0,25	Km0 - Km0+250	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Văn Cừ
3.12	Đường Ngô Quyền	DDT.36	0,09	Km0 - Km1+090	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Tân Hà
3.13	Phố Nguyễn Thị Minh Khai	DDT.37	0,65	Km0 - Km0+650	Đường 17/8	Đường Tân Hà
3.14	Phố Nguyễn Du	DDT.38	0,31	Km0 - Km0+310	Đường 17/8	Đường Tân Trào
3.15	Phố Ngô Gia Khảm	DDT.39	0,15	Km0 - Km0+150	Phố Nguyễn Du	Đường Tân Trào
3.16	Phố Trần Nhật Duật	DDT.40	0,30	Km0 - Km0+300	Đường 17/8 cạnh khí tượng	Đường Tân Trào (số C nghiệp)
3.17	Phố Hồ Xuân Hương	DDT.41	0,34	Km0 - Km0+340	Đường 17/8 cạnh rạp tháng 8	Đường Tân Trào (bảo hiểm cũ)

STT	TÊN ĐƯỜNG	SỐ HIỆU ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (KM)	CHIỀU RỘNG (KM)	ĐIỂM ĐẦU		ĐIỂM CUỐI		GHI CHÚ
					ĐIỂM ĐẦU	ĐIỂM CUỐI			
3.18	Phố Chu Văn An	DDT.42	0,55	Km0- Km0+550	Đường Tân Hà	Đường 17/8 công trường H Thái			
3.19	Đường Vườn Thánh	DDT.43	0,30	Km0- Km0+300	Đường Ngò Quyển	Đền Nhà thờ Xứ			
3.20	Đường Lê Hồng Phong	DDT.44	0,53	Km0- Km0+530	Đường 17/8	Đường Tân Hà			
3.21	Đường hỏ Minh Xuân	DDT.45	0,19	Km0- Km0+190	Đường 17/8( chơ xép MX )	Đường Lê Hồng Phong			
3.22	Đường Khu vườn hoa	DDT.46	0,68	Km0- Km0+680	Đường 17/8	Đền Cây Xanh ( Đ. Lê Hồng Phong)			
3.23	Đường hợp tác xã Thủy Tinh cũ	DDT.47	0,25	Km0- Km0+250	Đường Ngò Quyển	Hết khu dân cư			
3.24	Đường Nguyễn Văn Cư	DDT.48	1,10	Km0- Km0+190	Đường Chiến Thắng Sông Lô (KS Lô Giang)	Đường Trần Hưng Đạo			
<b>4</b>	<b>Phường Tân Quang</b>		<b>8,56</b>						
4.1	Đường Lê Lợi	DDT.49	1,00	Km0- Km1+000	Ngã Năm Chơ	Cầu Gao			
4.2	Đường Chiến Thắng Sông Lô	DDT.50	1,00	Km0- Km1+000	Đường 17/8	Cầu chả cũ			
4.3	Phố Lý Thái Tổ	DDT.51	0,22	Km0- Km0+220	Đường Lê Lợi	Cầu chả mới			
4.4	Đường Trần Phú	DDT.52	1,1	Km0- Km1+100	Đường Hà Huy Tập	Đường Chiến Thắng Sông Lô			
4.5	Phố Lý Nam Đế	DDT.53	0,90	Km0- Km0+900	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Chiến Thắng Sông Lô			
4.6	Phố Phan Chu Chinh	DDT.54	0,21	Km0- Km0+210	Đường Lê Lợi	Đường Chiến Thắng Sông Lô			
4.7	Phố Văn Cao	DDT.55	0,13	Km0- Km0+130	Đường Nguyễn Trãi	Đường Chiến Thắng Sông Lô			
4.8	Phố Xá Tắc	DDT.56	0,65	Km0- Km0+650	Đường Quang Trung	Đường Chiến Thắng Sông Lô			
4.9	Phố Phan Bội Châu	DDT.57	0,14	Km0- Km0+140	Đường Nguyễn Trãi	Đường Chiến Thắng Sông Lô			
4.10	Phố Lương Sơn Tuyết	DDT.58	0,52	Km0- Km0+520	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Chiến Thắng Sông Lô			
4.11	Đường Nguyễn Trãi	DDT.59	0,55	Km0- Km0+550	Phố Lương Sơn Tuyết	Cầu chả mới			
4.12	Phố Tam Cờ	DDT.60	0,47	Km0- Km0+470	Phố Xá Tắc	Bến xe cũ			
4.13	Phố Đức Nghĩa	DDT.61	0,12	Km0- Km0+120	Đường Quang Trung	Phố Nguyễn Bình Khiêm			
4.14	Phố Nguyễn Bình Khiêm	DDT.62	0,30	Km0- Km0+300	Phố Đức Nghĩa	Đường Đinh Tiên Hoàng			
4.15	Đường dọc khu Đức Nghĩa	DDT.63	0,14	Km0- Km0+140	Đường dọc Khu Đức Nghĩa				
4.16	Đường sau sân Vận Động	DDT.64	0,35	Km0- Km0+350	Đường Bình Thuần	Đường 17/8			

STT	TÊN ĐƯỜNG	SỐ HIỆU ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (KM)	ĐIỂM ĐẦU	ĐIỂM CUỐI		GHI CHÚ
					ĐIỂM ĐẦU	ĐIỂM CUỐI	
4.17	Đường ngang Thị Uy	DDT.65	0,10	Đường Chiến thắng Sông Lô	Đường sau sân vận động thị xã		
4.18	Đường tiểu khu Nam Bình Thuận	DDT.66	0,16	Đường nội bộ khu dân cư phía Nam trường tiểu học Bình Thuận			
4.19	Đường sau Công An thị xã	DDT.67	0,22	Đường Bình Thuận	Đường Tân Trào (Công an thị)		
4.20	Phố Thanh La	DDT.68	0,13	Đường Bình Thuận	Đường Nguyễn Trãi		
4.21	Phố Mac Đinh Chi	DDT.69	0,15	Đường Quang Trung	Đường Trần Phú		
5	Ý La		<b>19,97</b>				
5.1	Đường Trường Chinh	DDT.70	1,80	Đường 17/8	Hết địa phận thị xã		
5.2	Đường Tân Hà	DDT.71	5,00	Génh Gà xã Thăng Quân	Đường Ngô Quyền		
5.3	Đường Lê Duẩn	DDT.72	3,20	Đường Tân Hà	Đường 17/8 (Cổng CA Tỉnh)		
5.4	Đường Minh Thanh	DDT.73	2,50	Đường Tân Hà	Đường Trường Chinh		
5.5	Đường Trại gà đi UBND xã Ý La	DDT.74	2,10	Đường Tân Hà	Đường Trường Chinh		
5.6	Đường phố Tuệ Tĩnh	DDT.75	0,75	Đường Tân Hà	Đường Lê Duẩn		
5.7	Đường Nguyễn Chí Thanh	DDT.76	1,20	Đường Trường Chinh	Hết địa phận thị xã		
5.8	Đường Kim Quan	DDT.77	1,72	Đường Trường Chinh	Hết địa phận thị xã		
5.9	Đường Tiên Lũng	DDT.78	1,70	Đường Trường Chinh	Đường Nguyễn Chí Thanh		
6	<b>Xã Hưng Thành</b>		<b>8,55</b>				
6.1	Đường Phạm Văn Đồng	DDT.79	1,20	Cầu Chả mới	Ngã ba Bình Thuận		
6.2	Đường Tôn Đức Thắng	DDT.80	1,30	Đường Phạm Văn Đồng	Đường Lê Đại Hành		
6.3	Đường Phú Hưng	DDT.81	2,2	Đường Phạm Văn Đồng	Ngã 3 Bình Thuận		
6.4	Đường liên minh	DDT.82	0,30	Đường Phạm Văn Đồng	Đường Tôn Đức Thắng		
6.5	Đường đi xóm Bình An	DDT.83	1,65	Đường Tôn Đức Thắng	Hết khu dân cư xóm Bình An		
6.6	Đường Lê Đại Hành	DDT.84	1,90	Đường Phạm Văn Đồng	Hết địa phận thị xã		
7	<b>Xã Nông Tiến</b>		<b>7,88</b>				
7.1	Đường Bình Ca	DDT.85	1,50	Chợ Bến phà Nông Tiến	Hết xóm trại Tâm		
7.2	Đường Bến Phà	DDT.86	0,68	Bến phà Nông Tiến	Đường Tân Trào		

STT	TÊN ĐƯỜNG	SỐ HIỆU ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (KM)	LÝ TRÌNH (KM)	ĐIỂM ĐẦU		ĐIỂM CUỐI		GHI CHÚ
					ĐIỂM ĐẦU	ĐIỂM CUỐI			
7.3	Đường Nhà máy giấy	DDT.87	1,10	Km0- Km1+100	Đường Bến phà cũ		Qua XN giấy đến đường Kim Bình		
7.4	Đường qua xóm 18 đi trường học	DDT.88	0,48	Km0- Km0+480	Đường Tân Trào qua trạm y tế đến trường tiểu học Nông Tiến				
7.5	Đường qua xóm 12 đi trường học	DDT.89	1,32	Km0- Km1+320	Đường Tân Trào qua xóm 12 đến trường tiểu học Nông Tiến				
7.6	Đường vào Đất	DDT.90	0,45	Km0- Km0+450	Đường Kim Bình qua nhà Văn hoá xóm 2 vào Đất				
7.7	Đường xóm 15	DDT.91	0,85	Km0- Km0+850	Chân dốc đỏ		Trường cấp 1,11 Nông tiến		
7.8	Đường vào bãi rác	DDT.92	0,45	Km0- Km0+450	Đường Tân Trào		Bãi rác		
7.9	Đường vào từ cầu sắt vào Đất	DDT.93	0,25	Km0- Km0+250	Cầu Sắt cũ vào đến đường đi Đất				
7.10	Đường xóm 6 đi QL37	DDT.94	0,80	Km0- Km0+800	Xóm 6		QL37 (Đường Tân Trào)		
8	<b>Xã Tràng Đà</b>		<b>7,54</b>						
8.1	Đường đi Tân Long	DDT.95	0,24	Km0- Km0+240	Đường Kim Bình		Hết địa phận thị xã		
8.2	Đường Dân Ghênh	DDT.96	0,65	Km0- Km0+650	Đường Kim Bình		Đến Ghênh		
8.3	Đường XN bột Kẽm	DDT.97	2,20	Km0- Km2+200	Đường Kim Bình		Cửa hàng mua bán cũ		
8.4	Đường xóm 6	DDT.98	1,50	Km0- Km1+500	Đường Kim Bình		Hết khu dân cư xóm 6		
8.5	Đường xóm 7	DDT.99	0,45	Km0- Km0+450	Đường Kim Bình		Hết khu dân cư xóm 7		
8.6	Đường qua bến Đò Tân Hà	DDT.90B	2,50	Km0- Km2+500	Đường Kim Bình		Độc bờ sông hết địa phận thị xã		